

MAY CẮT KHÔNG KHÍ – DÒNG WS

Sản xuất tại Nhật Bản
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60947-2; Ics = 100%Icu
Dòng định mức (In) từ 630A đến 6300A
Điện áp hoạt động định mức (Ue) lên đến 690V AC
Điện áp cách điện (Ui) lên đến 1000V AC
Đã tích hợp relay bảo vệ điện tử

AIR CIRCUIT BREAKER – WS SERIES

Made in Japan
Comply with IEC Standard 60947-2 standard; Ics = 100%Icu
Rated current (In) 630A-6300A
Rated operational voltage (Ue) up to 690V AC
Rated insulation voltage (Ui) up to 1000V AC
Intergrated Electronic Trip Relay

	ACB 630A đến 2000A, Icu=65kA tại 240-500V AC ACB 630A to 2000A, Icu=65kA at 240-500V AC							
	Dòng định mức Rating (A)	Tên sản phẩm Model name	Mã sản phẩm Material code	Đơn giá Unit price	Tên sản phẩm Model name	Mã sản phẩm Material code	Đơn giá Unit price	
	Loại cố định Fixed type			3P		4P		
	630	AE630-SW 3P 630A FIX	160001A00001L	59.132.000	AE630-SW 4P 630A FIX	160011A00002C	70.635.000	
	1000	AE1000-SW 3P 1000A FIX	160101A00004U	62.275.000	AE1000-SW 4P 1000A FIX	160111A00006K	74.374.000	
	1250	AE1250-SW 3P 1250A FIX	160201A00009R	66.431.000	AE1250-SW 4P 1250A FIX	160211A0000BB	79.401.000	
	1600	AE1600-SW 3P 1600A FIX	160301A0000GK	75.252.000	AE1600-SW 4P 1600A FIX	160311A0000K8	89.626.000	
	2000	AE2000-SWA 3P 2000A FIX	160421A0000SA	85.718.000	AE2000-SWA 4P 2000A FIX	160431A0000T6	100.643.000	
	Loại đi động Drawout type			3P		4P		
	630	AE630-SW 3P 630A DR	160001A0002QM	78.769.000	AE630-SW 4P 630A DR	160011A000029	91.137.000	
	1000	AE1000-SW 3P 1000A DR	160101A00003N	82.933.000	AE1000-SW 4P 1000A DR	160111A00006C	95.966.000	
	1250	AE1250-SW 3P 1250A DR	160201A000086	86.536.000	AE1250-SW 4P 1250A DR	160211A0000B0	101.854.000	
	1600	AE1600-SW 3P 1600A DR	160301A0000E9	94.324.000	AE1600-SW 4P 1600A DR	160311A0000JQ	117.762.000	
	2000	AE2000-SWA 3P 2000A DR	160421A0000RG	98.397.000	AE2000-SWA 4P 2000A DR	160431A0000SZ	129.407.000	
	ACB 2000A đến 4000A, Icu=85kA tại 240-500V AC ACB 2000A to 4000A, Icu=85kA at 240-500V AC							
	Dòng định mức Rating (A)	Tên sản phẩm Model name	Mã sản phẩm Material code	Đơn giá Unit price	Tên sản phẩm Model name	Mã sản phẩm Material code	Đơn giá Unit price	
	Loại cố định Fixed type			3P		4P		
	2000	AE2000-SW 3P 2000A FIX	160401A0000NP	106.923.000	AE2000-SW 4P 2000A FIX	160411A0000QF	110.460.000	
	2500	AE2500-SW 3P 2500A FIX	160501A0000WX	108.763.000	AE2500-SW 4P 2500A FIX	160511A0000ZG	140.620.000	
	3200	AE3200-SW 3P 3200A FIX	160601A000143	135.969.000	AE3200-SW 4P 3200A FIX	160611A000173	148.975.000	
4000	AE4000-SWA 3P 4000A FIX	160721A00019X	212.159.000	AE4000-SWA 4P 4000A FIX	160731A0001BN	314.465.000		
	Loại đi động Drawout type			3P		4P		
	2000	AE2000-SW 3P 2000A DR	160401A0001TV	122.533.000	AE2000-SW 4P 2000A DR	160411A0000Q3	141.054.000	
	2500	AE2500-SW 3P 2500A DR	160501A0000UU	125.644.000	AE2500-SW 4P 2500A DR	160511A0002QN	161.396.000	
	3200	AE3200-SW 3P 3200A DR	160601A000123	174.604.000	AE3200-SW 4P 3200A DR	160611A00016D	202.024.000	
	4000	AE4000-SWA 3P 4000A DR	160721A00018Y	289.807.000	AE4000-SWA 4P 4000A DR	160731A0005QF	419.984.000	
	ACB 2000A đến 4000A, Icu=100kA tại 400V AC ACB 2000A to 4000A, Icu=100kA at 400V AC							
	Dòng định mức Rating (A)	Tên sản phẩm Model name	Mã sản phẩm Material code	Đơn giá Unit price	Tên sản phẩm Model name	Mã sản phẩm Material code	Đơn giá Unit price	
	Loại cố định Fixed type			3P		4P		
	2000	AE2000-SW 3P 2000A FIX	160401A0004WR	106.923.000	AE2000-SW 4P 2000A FIX	160411A0004WS	110.460.000	
	2500	AE2500-SW 3P 2500A FIX	160501A0005QK	108.763.000	AE2500-SW 4P 2500A FIX	160511A0004WT	140.620.000	
3200	AE3200-SW 3P 3200A FIX	160601A0002RQ	135.969.000	AE3200-SW 4P 3200A FIX	160611A0002RR	148.975.000		
4000	AE4000-SWA 3P 4000A FIX	160721A0002RS	212.159.000	AE4000-SWA 4P 4000A FIX	160731A0002RT	314.465.000		
	Loại đi động Drawout type			3P		4P		
	2000	AE2000-SW 3P 2000A DR	160401A0005QG	122.533.000	AE2000-SW 4P 2000A DR	160411A0005QL	141.054.000	
	2500	AE2500-SW 3P 2500A DR	160501A0005QH	125.644.000	AE2500-SW 4P 2500A DR	160511A0005QJ	161.396.000	
	3200	AE3200-SW 3P 3200A DR	160601A00041D	174.604.000	AE3200-SW 4P 3200A DR	160611A00041E	202.024.000	
	4000	AE4000-SWA 3P 4000A DR	160721A00041F	289.807.000	AE4000-SWA 4P 4000A DR	160731A00041C	419.984.000	
	ACB 4000A đến 6300A, Icu=130kA tại 240-500V AC ACB 4000A to 6300A, Icu=130kA at 240-500V AC							
	Dòng định mức Rating (A)	Tên sản phẩm Model name	Mã sản phẩm Material code	Đơn giá Unit price	Tên sản phẩm Model name	Mã sản phẩm Material code	Đơn giá Unit price	
	Loại cố định Fixed type			3P		4P		
	4000	AE4000-SW 3P 4000A FIX	160801A00031M	357.542.000	AE4000-SW 4P 4000A FIX	160811A00042D	411.778.000	
	5000	AE5000-SW 3P 5000A FIX	160831A0001E7	374.363.000	AE5000-SW 4P 5000A FIX	160841A0001EY	420.923.000	
6300	AE6300-SW 3P 6300A FIX	160861A0001GX	420.923.000	AE6300-SW 4P 6300A FIX	160871A0004VF	496.269.000		
	Loại đi động Drawout type			3P		4P		
	4000	AE4000-SW 3P 4000A DR	160801A0005NY	513.702.000	AE4000-SW 4P 4000A DR	160811A0002Z6	576.492.000	
	5000	AE5000-SW 3P 5000A DR	160831A0002Z4	561.542.000	AE5000-SW 4P 5000A DR	160841A0002Z8	631.383.000	
	6300	AE6300-SW 3P 6300A DR	160861A0002Z5	631.383.000	AE6300-SW 4P 6300A DR	160871A0002ZA	733.375.000	